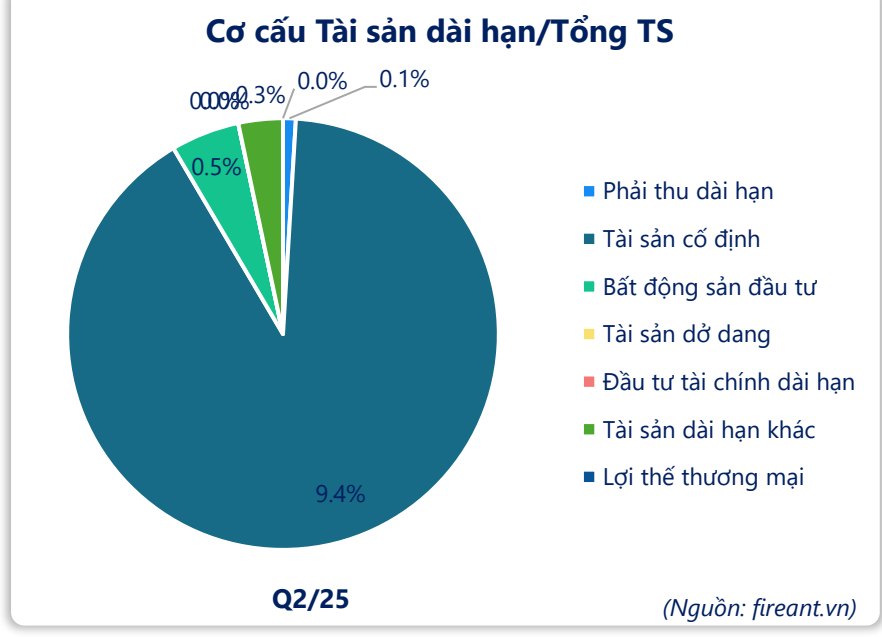
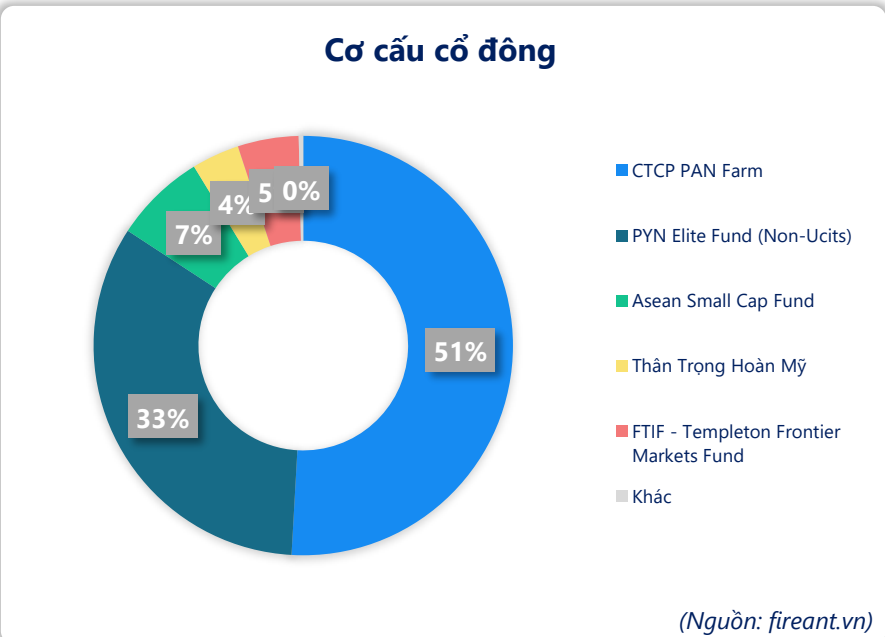
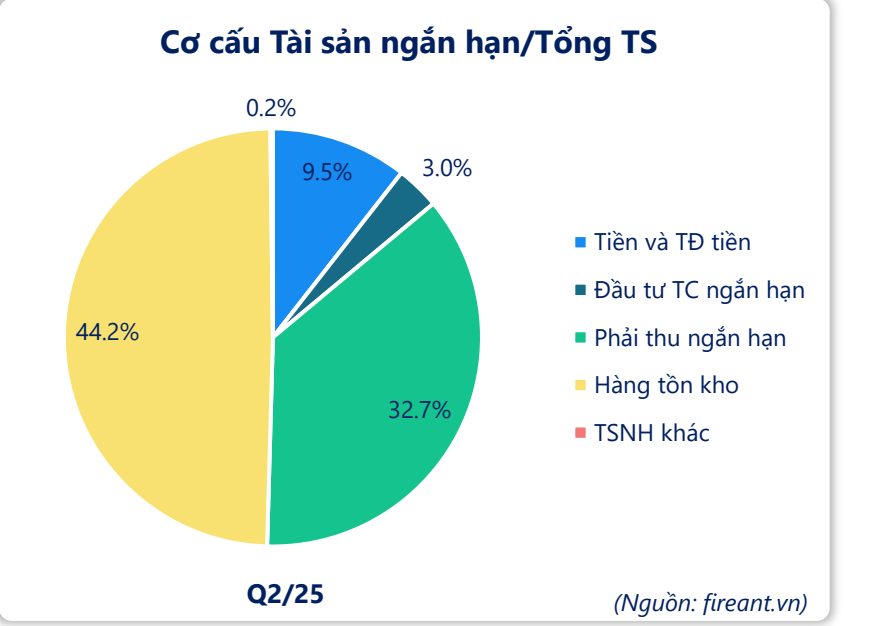
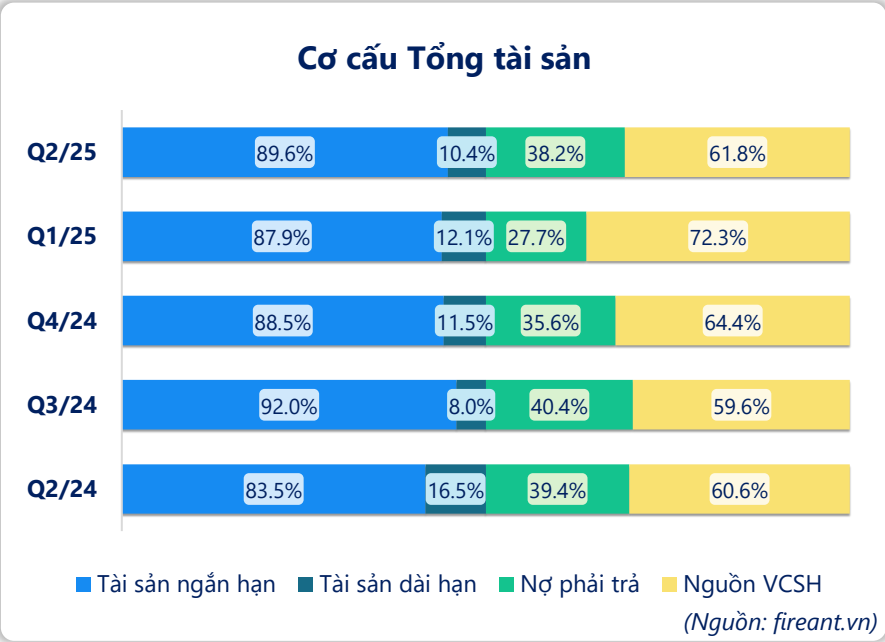
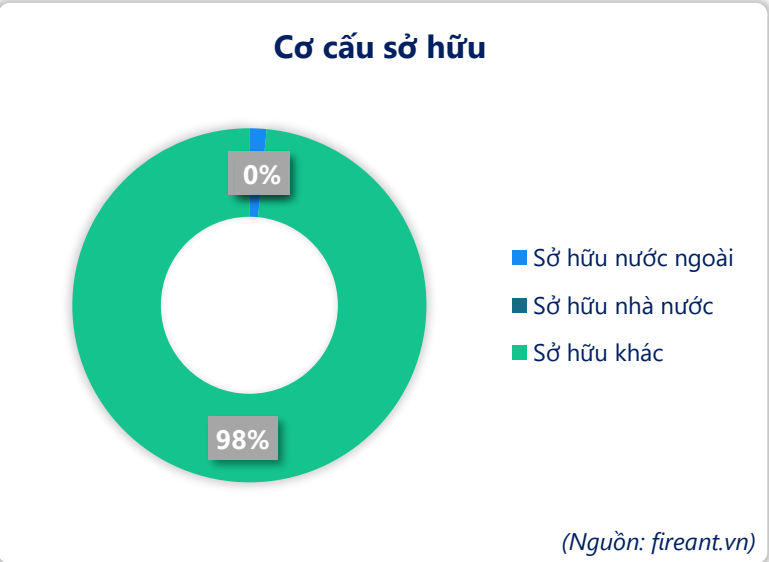
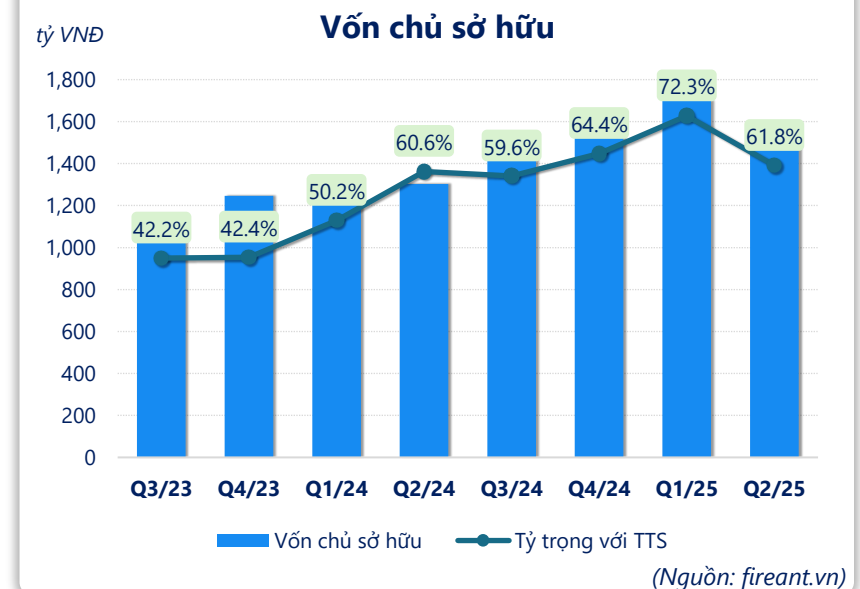
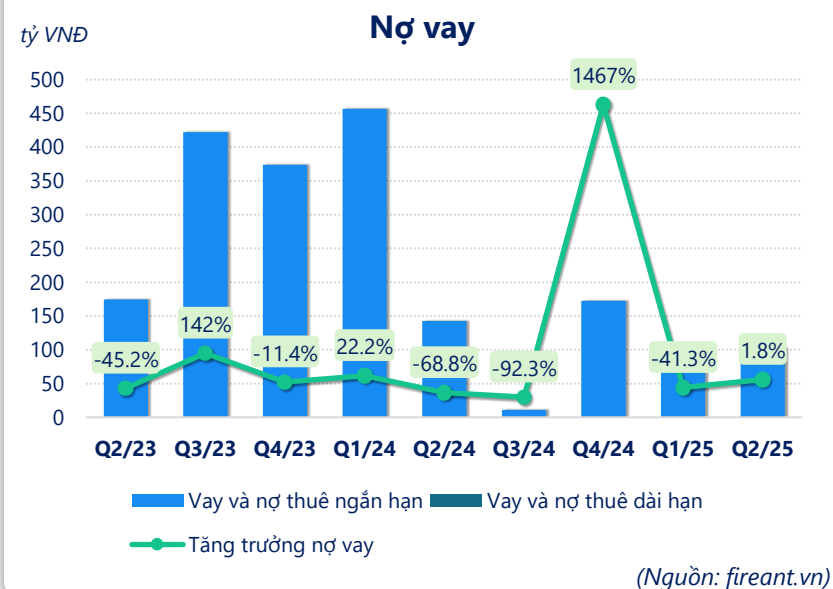
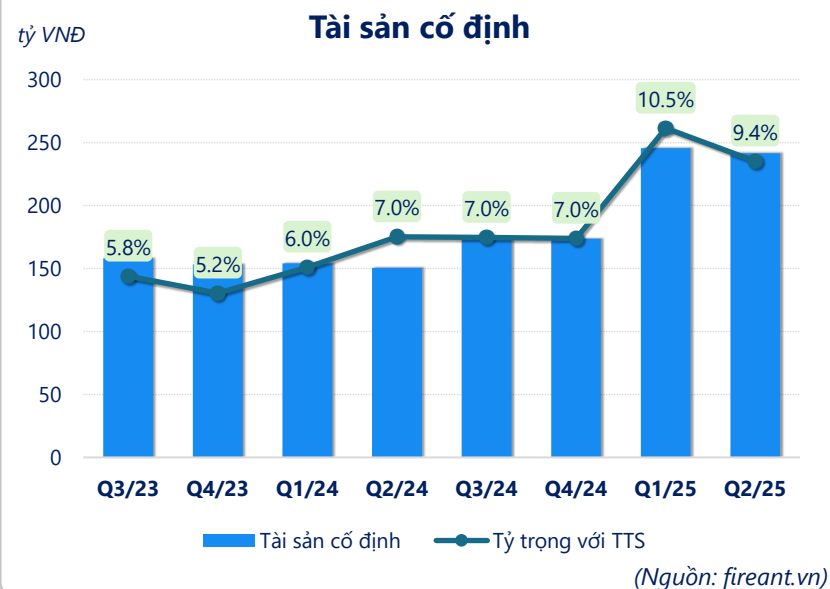
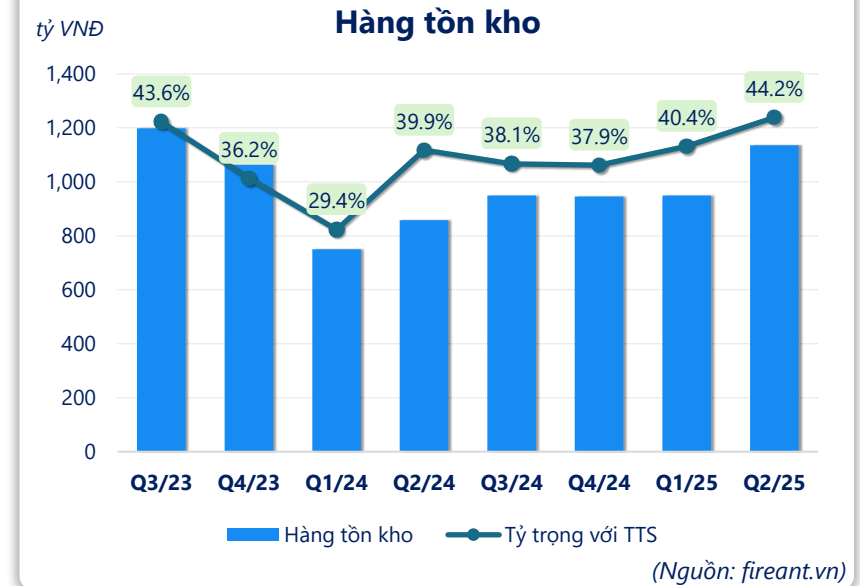
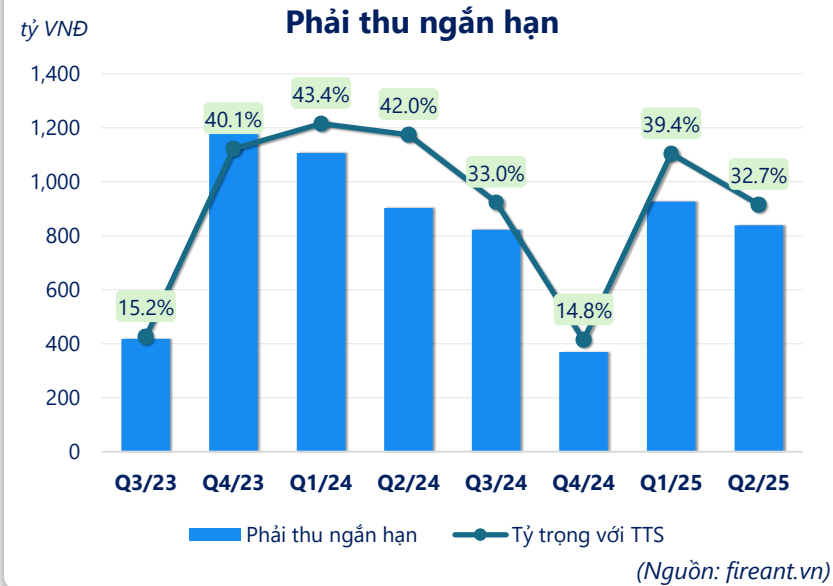
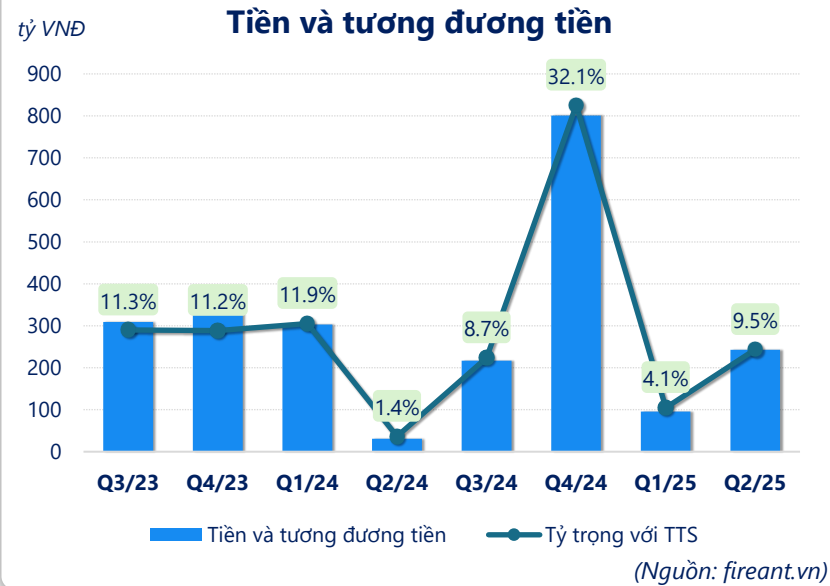
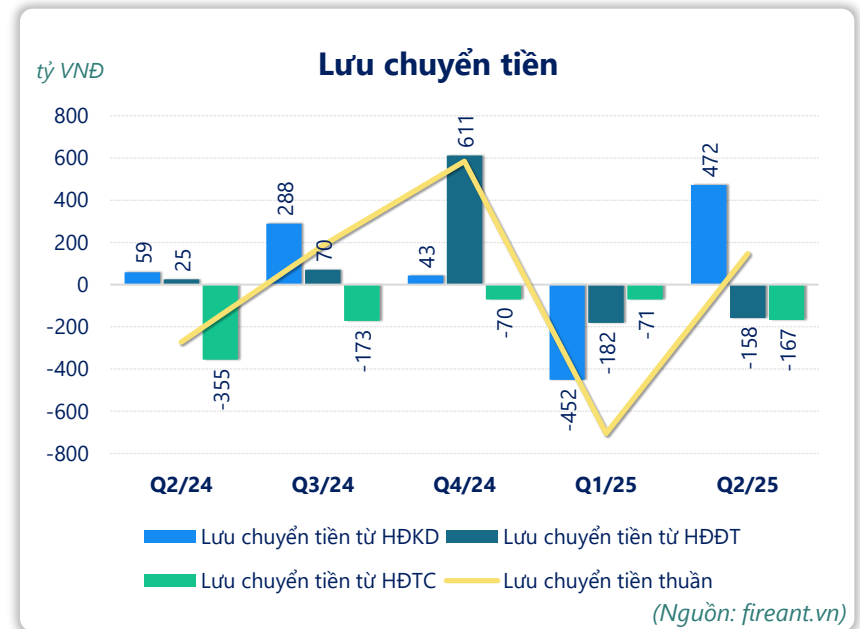
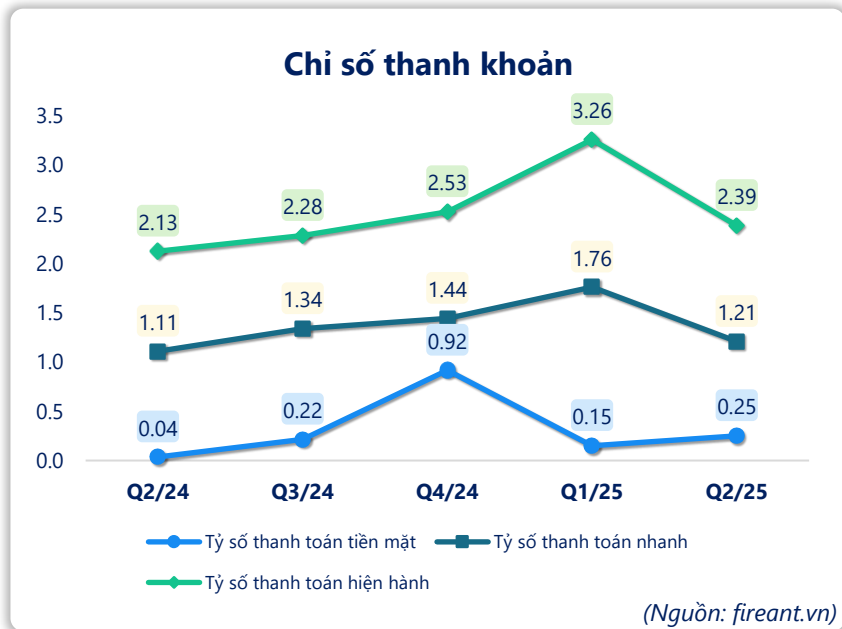
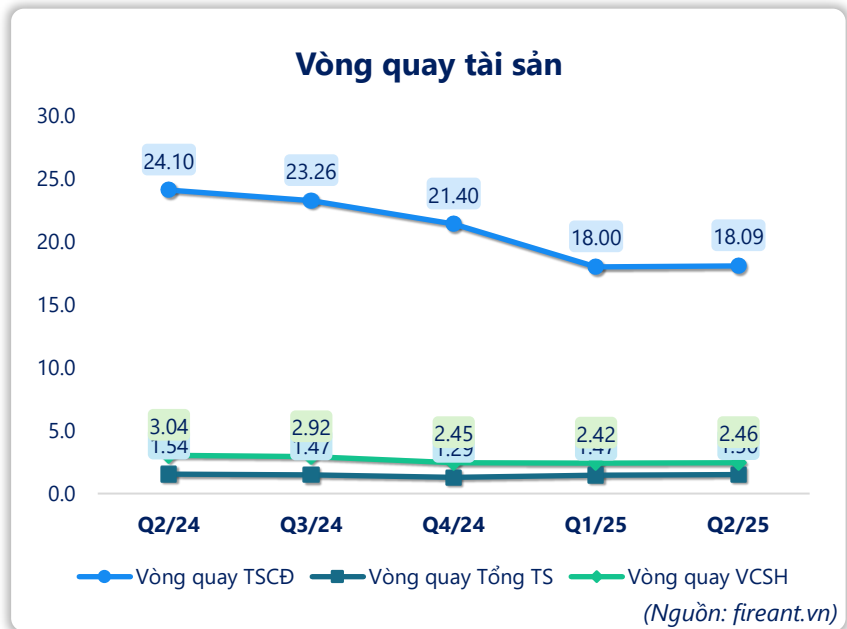
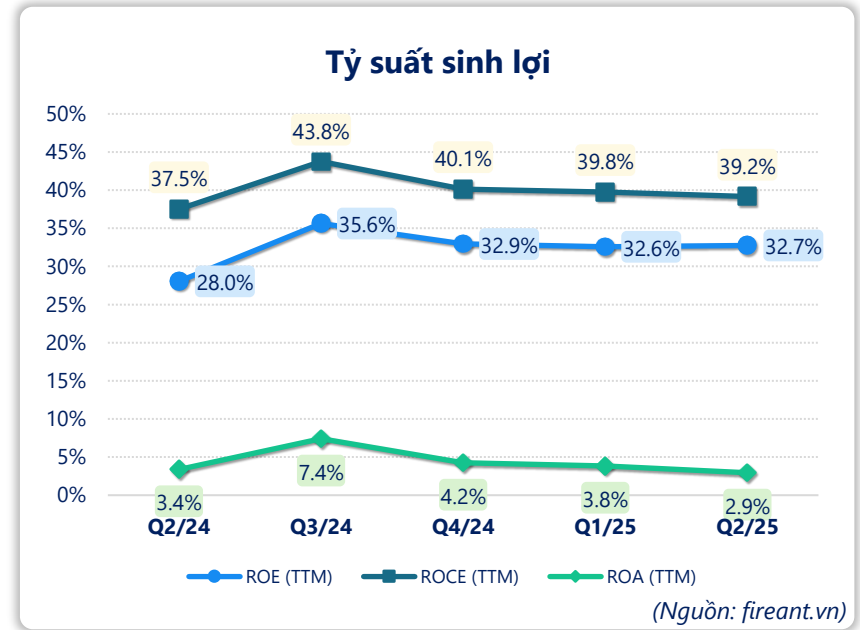
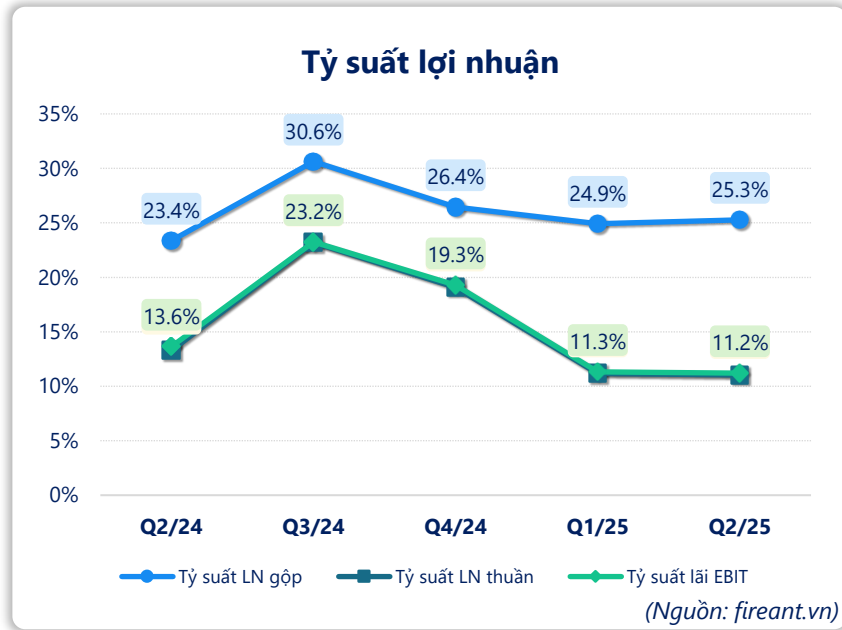
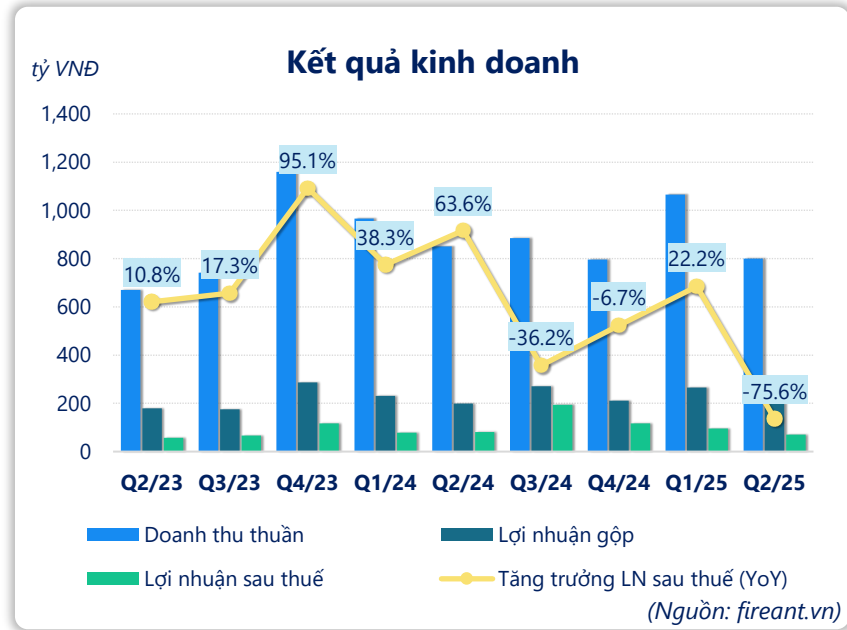


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		64,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		84,915
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		56,597
SL cổ phiếu LH		41,712,614
KLGD BQ 20 phiên (CP)		16,960
% sở hữu nước ngoài		1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,699
P/E		5.7
EPS		11,339

	YTD	1T	3T	6T
VFG	-14.1%	-1.6%	-3.7%	-17.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,566	2,496	2.8%
Tài sản ngắn hạn	2,299	2,207	4.2%
Tiền và tương đương tiền	243	801	-69.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.8	83.3	-6.6%
Phải thu ngắn hạn	839	369	128%
Hàng tồn kho	1,135	946	20.0%
Tài sản ngắn hạn khác	4.52	8.10	-44.2%
Tài sản dài hạn	267	289	-7.7%
Phải thu dài hạn	2.55	2.00	27.5%
Tài sản cố định	241	250	-3.5%
Bất động sản đầu tư	13.7	14.1	-2.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.88	22.6	-60.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	980	890	10.1%
Nợ ngắn hạn	964	874	10.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	103	172	-40.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	408	121	237%
Nợ dài hạn	16.2	16.3	-0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,586	1,606	-1.2%
Vốn chủ sở hữu	1,586	1,606	-1.2%
Vốn điều lệ	417	417	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	851	885	796	1,066	800
Giá vốn hàng bán	652	614	585	800	598
Lợi nhuận gộp	199	271	210	266	202
Doanh thu HĐTC	19.4	20.4	72.8	18.6	19.1
Chi phí TC	14.4	77.1	8.94	6.75	9.22
Chi phí lãi vay	2.03	0.76	1.14	1.51	1.00
LN trong công ty LKLD	0	169	0	0	0
Chi phí bán hàng	75.2	166	80.4	126	98.9
Chi phí QLDN	15.7	12.1	42.1	32.2	25.0
LN thuần từ HĐKD	113	205	152	119	88.3
Lợi nhuận khác	1.06	-0.32	0.45	-0.11	0.37
LN trước thuế	114	205	152	119	88.6
Lợi nhuận sau thuế	81.5	194	116	95.2	70.3
LNST của CĐ cty mẹ	81.5	194	115	94.3	69.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	58.7	288	42.9	-452	472
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	24.6	70.2	611	-182	-158
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-355	-173	-69.9	-71.2	-167
Tiền đầu kỳ	303	30.6	216	801	95.9
Lưu chuyển tiền thuần	-272	186	584	-705	147
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	-0.01	0.02	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	30.6	216	801	95.9	243

(Nguồn: fireant.vn)